

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN TDC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN TDC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDC INVESTMENT AND CONSULTATION
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TDC INVESTMENT AND CONSULTATION .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108017584

3. Ngày thành lập: 10/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 2, đường Tả Thanh Oai, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu Đào tạo công nghệ thông tin - Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm	6209(Chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
3.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản	6820
4.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

5.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ Kiểm định xây dựng Định giá xây dựng: a) Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; c) Đo bóc khối lượng; d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; đ) Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng Tư vấn đấu thầu;	7110
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước	7120
7.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
8.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường	7490
9.	Cho thuê xe có động cơ	7710
10.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
11.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
12.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
13.	Đại lý du lịch	7911
14.	Điều hành tua du lịch	7912
15.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

16.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
17.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
18.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Lĩnh vực nhà nước cho phép)	8559
21.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
22.	Quảng cáo	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
25.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm	5820
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Bán buôn gạo	4631
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
35.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
38.	Lập trình máy vi tính	6201
39.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

46.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
55.	Tái chế phế liệu	3830
56.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
57.	Xây dựng nhà các loại	4100
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: - Xây dựng đường ống và hệ thống nước như: Hệ thống tưới tiêu (kênh), Các bể chứa - Xây dựng các công trình của: Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa, Nhà máy xử lý nước thải, Các trạm bơm, Nhà máy năng lượng, - Khoan nguồn nước	4220
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
61.	Phá dỡ	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
66.	Bán buôn thực phẩm	4632
67.	Bán buôn đồ uống	4633
68.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
69.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
70.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
74.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
75.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
76.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
77.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
78.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
79.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
82.	Vận tải hành khách đường sắt (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	4911
83.	Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	4912
84.	Vận tải bằng xe buýt	4920
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224

88.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 4.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI THỊ DIỄM HẠNH	Đội 5, Xã Hải Nam, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	147.000	1.470.000.000	30,000	162795909	
			Tổng số	147.000	1.470.000.000	30,000		
2	TRẦN THÀNH CHINH	P4-T1 TT Công Trình 8, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	147.000	1.470.000.000	30,000	022084000242	
			Tổng số	147.000	1.470.000.000	30,000		
3	TRẦN DANH TUYÊN	B5 Nơ 20 KĐT M Định Công, đường Trần Điện, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	196.000	1.960.000.000	40,000	036083005445	
			Tổng số	196.000	1.960.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN DANH TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036083005445

Ngày cấp: 16/01/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *B5 Nơ 20 KĐTMT Định Công, đường Trần Điền, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P515 Tòa Trung Rice city Linh Đàm, đường Thanh Xuân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội